

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/HS-ST
Ngày 09-4-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Dũng Nhân;

- Bà Phan Thị Huyền Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Nhật T, sinh ngày 04/8/1985 tại thành phố Cần Thơ; CCCD số: 092085016437, cấp ngày 18/8/2025; nơi cấp: Bộ C; nơi ĐKKTT và nơi cư trú hiện nay: Khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N (đã chết) và bà Phạm Thị Á; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Tại bản án số 08/2017/HSST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10-Tây Ninh) áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 13/9/2016, nộp án phí ngày 23/8/2017; Tại bản án số 50/2022/HSST ngày 31/10/2022 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh) áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 13/7/2022, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/01/2024; nộp án phí ngày 21/3/2023; tiền sự: Không có; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/11/2025 đến ngày 19/11/2025 chuyển sang tạm giam cho đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Nhật T là người thường sử dụng ma túy, đã bị tòa án kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp tái phạm chưa được xóa án tích. Vào khoảng 8 giờ, ngày 09/11/2025, bị cáo T đi bộ đến khu vực nghĩa địa “Cực Lạc T” ở khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh gặp một người thanh niên tên X (Không rõ họ tên và địa chỉ) khoảng 25 tuổi mua 150.000 đồng chất ma túy đá, sau đó bị cáo T ngồi trong nghĩa địa sử dụng một mình. Đến 10 giờ ngày 10/11/2025, bị cáo T tiếp tục đến nghĩa địa gặp X mua 1.000.000 đồng chất ma túy để sử dụng, X đưa cho T 07 bìch nylon màu trắng bên trong có chứa chất ma túy. Bị cáo T cất giấu trong người và đi bộ về hướng Chùa T1. Khoảng 12 giờ cùng ngày, T nhận cuộc gọi qua Z từ tài khoản “LỢI TAN” rủ đến khu vực xã C, tỉnh Tây Ninh để chơi, bị cáo Thông đồng Ý. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo T đón xe ôm công nghệ G đem theo chất ma túy đến đoạn đường ĐT 784 thuộc Tổ A, ấp K, xã C, tỉnh Tây Ninh thì bị lực lượng Công an xã C, tỉnh Tây Ninh kiểm tra bắt quả tang thu giữ trên người của T 07 bìch nylon bên trong chứa tinh thể màu trắng được niêm phong (Ký hiệu M) và 01 một số vật chứng có liên quan.

Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của Lê Nhật T vào ngày 10/11/2025 thể hiện: Dương tính với chất ma túy trong cơ thể.

Kết luận giám định số 2654 ngày 17/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Mẫu tinh thể rắn màu trắng (ký hiệu là M) bên trong 03 (ba) bìch nylon màu trắng được hàn kín bốn đầu và 04 (bốn) bìch nylon màu trắng được hàn kín ba đầu, một đầu khó bóp có viên màu đỏ gửi đến giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine, khối lượng 2,5136 gam, sau giám định còn lại 2,4285 gam.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 2654 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Văn N1, trợ lý giám định Tạ Minh P và dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh T, bên trong có 01 bìch nylon màu trắng chứa tinh thể rắn màu trắng (ký hiệu M) là Methamphetamine có khối lượng sau giám định là 2,4285 gam (hai phẩy bốn hai tám năm gam).

- 01 (một) hộp bằng kim loại màu xanh bạc kích thước (03x05) cm;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu N2, số IMEI1 1: 358078149264701, số IMEI2: 358078149264719, đã qua sử dụng.

* Kê biên tài sản: Bị cáo Lê Nhật T không có tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không tiến hành kê biên.

Bản Cáo trạng số 87/CT-VKSKV11, ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Lê Nhật T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Nhật T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị:

Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Nhật T mức án từ 05 năm tù đến 06 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có tài sản.

Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết rõ hành vi phạm tội của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo thể hiện: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 10/11/2025 tại đường Đ, tổ A, ấp K, xã C, tỉnh Tây Ninh, bị cáo Lê Nhật T đã tàng trữ 2,5136 gam ma túy loại Methamphetamine mục đích để sử dụng thì bị Công an xã C kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo Lê Nhật T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo Lê Nhật T là người đã bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp tái phạm, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[3] Bản cáo trạng số 87/CT-VKSKV11 ngày 27/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo Lê Nhật T với tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan.

[4] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển giống nòi của dân tộc, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và gây mất

trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo đã bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội thể hiện ý thức, thái độ xem thường pháp luật của bị cáo, nên phải có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo.

[5] Khi quyết định hình phạt, cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét mức độ phạm tội và hình phạt chính đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cần áp dụng hình phạt chính là tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo thành công dân tốt và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Lê Nhật T không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản riêng, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Xử lý vật chứng:

- 01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 2654 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Văn N1, trợ lý giám định Tạ Minh P và dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh T, bên trong có 01 bìch nylon màu trắng chứa tinh thể rắn màu trắng (ký hiệu M) là Methamphetamine có khối lượng sau giám định là 2,4285 gam (hai phẩy bốn hai tám năm gam) là ma túy; 01 (một) hộp bằng kim loại màu xanh bạc kích thước (03x05) cm là công cụ bị cáo dùng chứa ma túy, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu N2, số IMEI1 1: 358078149264701, số IMEI2: 358078149264719, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên tuyên trả cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Đối với người tên X bán ma túy cho bị cáo T, do không rõ nhân thân, địa chỉ, nên cơ quan cảnh sát điều tra chưa tiến hành làm việc được, khi nào làm việc được xử lý sau. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo T, Công an xã C, tỉnh Tây Ninh đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bị cáo Lê Nhật T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 1, Điều 4 Luật số 86/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự và điểm o khoản 2

Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025:

Xử phạt bị cáo Lê Nhật T 05 (năm) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 10-11-2025.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 2654 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Văn N1, trợ lý giám định Tạ Minh P và dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh T, bên trong có 01 bọc nylon màu trắng chứa tinh thể rắn màu trắng (ký hiệu M) là Methamphetamine có khối lượng sau giám định là 2,4285 gam (hai phẩy bốn hai tám năm gam); 01 (một) hộp bằng kim loại màu xanh bạc kích thước (03x05) cm.

Tạm giữ của bị cáo Lê Nhật T để đảm bảo thi hành án: 01 (một) điện thoại di động hiệu N2, số IMEI1 1: 358078149264701, số IMEI2: 358078149264719, đã qua sử dụng.

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Lê Nhật T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- PKTNV- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11, Tây Ninh;
- Cơ quan THAHS;
- Phân trại tạm giam khu vực Tân Châu;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh TN;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Phạm Hồng Hà**